

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Pháp lệnh số: 09/2014/UBTVQH13

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÁP LỆNH
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG
CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Tòa án nhân dân (sau đây gọi chung là biện pháp xử lý hành chính); trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 2. Nguyên tắc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm các quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 của Luật xử lý vi phạm hành chính; việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên còn phải bảo đảm các quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 134 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do một Thẩm phán thực hiện.

3. Khi xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

4. Bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành phiên họp.

5. Tiếng nói, chữ viết dùng trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án là tiếng Việt.

Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây gọi là người bị đề nghị) hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình và phải có người phiên dịch.

6. Người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền tự mình hoặc nhờ luật sư, người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người bị đề nghị là người chưa thành niên mà không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Tòa án yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Tòa án bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị.

7. Bảo đảm quyền của người bị đề nghị được giải trình trước Tòa án, tranh luận với cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

8. Bảo đảm quyền được xem xét theo hai cấp trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 3. Thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ quan đề nghị có trụ sở.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét lại quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

Điều 4. Kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị nhằm bảo đảm việc giải quyết kịp thời, đúng pháp luật.

2. Viện kiểm sát tham gia các phiên họp; tham gia việc xét hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ việc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Pháp lệnh này.

3. Sau khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ của Tòa án cùng cấp, Viện kiểm sát có quyền nghiên cứu hồ sơ vụ việc tại Tòa án đã thụ lý vụ việc đó.

Điều 5. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức không được can thiệp trái pháp luật vào việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cá nhân, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp với Tòa án trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi có yêu cầu của Tòa án.

3. Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và được cá nhân, cơ quan, tổ chức tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan phải chấp hành quyết định của Tòa án và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành đó.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý công tác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao quản lý công tác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của các Tòa án có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp trong việc đề xuất ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

2. Tổ chức việc thống kê, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

3. Chủ trì, phối hợp hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

4. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của các Tòa án;

5. Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 7. Thời hạn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án phải ra một trong các quyết định quy định tại điểm h khoản 2 Điều 20 của Pháp lệnh này; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

Điều 8. Nhận, thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền chuyển đến, Tòa án phải vào sổ giao nhận; trường hợp hồ sơ không đủ tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 102 hoặc khoản 2 Điều 104 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì Tòa án trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết.

Điều 9. Phân công Thẩm phán xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 8 của Pháp lệnh này, Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Đối với việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Thẩm phán được phân công phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục và hoạt động phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

2. Thẩm phán được phân công phải từ chối xem xét, quyết định nếu có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

3. Trường hợp Thẩm phán được phân công không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc thuộc trường hợp phải từ chối xem xét, quyết định thì Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán khác xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 10. Những trường hợp phải từ chối, thay đổi Thẩm phán, Thư ký phiên họp

1. Là người thân thích của người bị đề nghị.

2. Đã tiến hành xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong cùng vụ việc đó.

3. Đã tiến hành việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong cùng vụ việc đó.

4. Có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

Điều 11. Thông báo về việc thụ lý

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý, Tòa án phải thông báo việc thụ lý bằng văn bản cho cơ quan đề nghị, người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên và Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Văn bản thông báo phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm văn bản thông báo;

b) Tên Tòa án đã thụ lý hồ sơ;

c) Số, ngày, tháng, năm thụ lý hồ sơ;

d) Tên cơ quan đề nghị;

đ) Họ và tên, địa chỉ của người bị đề nghị;

e) Biện pháp xử lý hành chính được đề nghị áp dụng.

Điều 12. Kiểm tra hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Thẩm phán được phân công phải kiểm tra hồ sơ về các nội dung sau đây:

a) Tài liệu trong hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 102 hoặc khoản 2 Điều 104 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Trường hợp cần thiết, Thẩm phán có thể tham vấn ý kiến của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú để làm rõ tình trạng sức khỏe, tâm lý, điều kiện sống, học tập của họ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, căn cứ vào kết quả kiểm tra hồ sơ, Thẩm phán phải quyết định về một trong các nội dung sau đây:

a) Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ;

b) Đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 13. Quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị có quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đã thụ lý.

2. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có thể được thực hiện tại Tòa án hoặc gửi qua bưu điện.

Điều 14. Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ

1. Thẩm phán yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung tài liệu, chứng cứ trong các trường hợp sau đây:

a) Khi tài liệu chứng minh hành vi vi phạm của người bị đề nghị, tài liệu về nhân thân, tình trạng sức khỏe của người bị đề nghị chưa rõ hoặc có mâu thuẫn mà không thể bổ sung, làm rõ tại phiên họp;

b) Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ tài liệu, chứng cứ cần bổ sung và lý do của việc yêu cầu bổ sung.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan được yêu cầu phải gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung cho Tòa án.